

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 390/2022/HSST

Ngày 19/9/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Quốc Hùng

2. Bà Vũ Thị Thanh Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Bằng - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Công Tuấn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 19/9/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 212/2022/TLST-HS ngày 10/6/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 385/2022/QĐXXST-HS ngày 26/8/2022 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn N - sinh năm 1999, tại tỉnh Hải Dương; ĐKKHKT: Thôn CL, xã M, huyện T, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở trước khi phạm tội: **162 đường CD, phường M, quận B, Hà Nội**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 09/12; Con ông Phạm Văn V và bà Vũ Thị T; Vợ: Chu Thị M; có 01 sinh năm 2019; Danh chỉ bản số: 000000609, lập ngày 01/9/2021 tại Công an quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội; Tiền án, tiền sự: không; Đầu thú và bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/8/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an Thành phố Hà Nội. *(có mặt tại phiên tòa)*

2. Bùi Đức P - sinh năm 1994, tại tỉnh Bắc Giang; ĐKKHKT: Thôn G, xã MH, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Chỗ ở trước khi phạm tội: **Đường NX, phường M, quận B, Hà Nội**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 12/12; Con ông Bùi Văn N1 và bà Trần Thị P1; Vợ, con: chưa có; Danh chỉ bản số: 000000608, lập ngày 01/9/2021 tại Công an quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội; Tiền án, tiền sự: không. Đầu thú và bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/8/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an Thành phố Hà Nội. *(có mặt tại phiên tòa)*

Bị hại: Ông Nguyễn Phạm Hoài N2, sinh năm 1984; ĐKKHKT: TDP Văn Trì 2, phường M, quận B, Hà Nội. Chỗ ở hiện nay: A3-3503 khu đô thị Vinhomes Gardenia, phường CD, quận NTL, Hà Nội. *(có mặt tại phiên tòa)*

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị P1, sinh năm 1975; HKTT và nơi ở: Thôn G, xã MH, huyện L, tỉnh Bắc Giang *(mẹ đẻ bị cáo Bùi Đức P)*. *(có mặt tại phiên tòa)*

Nguyên đơn dân sự:

1. Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1973; ĐKKHKT và nơi ở: 200 Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội. *(vắng mặt lần thứ 2)*

2. Ông Vũ Đức C, sinh năm 1993; ĐKKHKT: Thôn V, xã T, thị xã S, Thành phố Hà Nội. Nơi ở hiện nay: Phòng 1207, Tòa CT2, Chung cư H, đường X, phường PC, quận N, Thành phố Hà Nội. *(có mặt tại phiên tòa)*

Người bào chữa cho bị cáo:

1. **Luật sư ông Nguyễn Quang Tiến, Văn phòng luật sư Đặng Sơn** – Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội - Bào chữa cho bị cáo Phạm Văn N *(có mặt tại phiên tòa)*.

2. Luật sư ông Nguyễn Văn Toán, Văn phòng Luật sư Cán Cân Việt – Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội - Bào chữa cho bị cáo Bùi Đức P *(có mặt tại phiên tòa)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an quận Nam Từ Liêm nhận được đơn của anh Nguyễn Phạm Hoài N2 (sinh năm 1984; trú tại A3-3503 KĐT Vinhomes Gardenia, phường C, quận N, Hà Nội) tố giác Phạm Văn N (sinh năm 1999; trú tại thôn CL, xã M, huyện T, tỉnh Hải Dương) và Bùi Đức P (sinh năm 1994; trú tại thôn G, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang) có hành vi lạm dụng tín N chiếm đoạt tài sản.

Quá trình điều tra đã xác định: Ngày 16/01/2012, vợ chồng anh Nguyễn Phạm Hoài N2, chị Tạ Thị H (sinh năm 1984) được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ NAM HIỀN 2, tại địa chỉ: số 162 đường CD, phường M, quận B, Hà Nội. Từ năm 2016 anh N2 thuê Phạm Văn N và Bùi Đức P làm nhân viên quản lý tại cửa hàng nhưng không ký hợp đồng lao động. Nhiệm vụ của N và P là khi khách hàng mang tài sản đến đặt cầm cố là xe máy thì N và P thẩm định, định giá rồi gọi điện thoại báo lại cho anh N2. Nếu anh N2 đồng ý thì N, P sẽ viết giấy cầm cố và giao tiền cho khách, xe máy sẽ bảo quản tại cửa hàng. Hàng ngày, anh N2 để tại cửa hàng số tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng để N và P chủ động trả tiền khách hàng đặt tài sản cầm cố. Nếu tài sản cầm cố là ô tô thì anh N2 sẽ trực tiếp định giá và lập hợp đồng cầm cố, trực tiếp giao tiền cho khách,

sau đó giao cho N và P gửi xe ô tô tại sân nhà văn hoá Tổ dân phố Tu Hoàng, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Tất cả giấy đăng ký xe và chìa khóa xe khách mang đến cầm cố đều để lại tại cửa hàng cầm đồ. Anh N2 quy định N và P không được sử dụng và di chuyển tài sản cầm cố nếu không được sự đồng ý của anh N2.

Khoảng năm 2019, thông qua mối quan hệ xã hội N quen anh Vũ Đức C (sinh năm 1993; trú tại thôn V, xã T, thị xã S, Hà Nội). Khi đó anh C biết N đang làm tại cửa hàng cầm đồ HIỀN NAM 2 nên anh C và N thỏa thuận cùng tham gia nhận cầm cố xe máy, xe ô tô của các khách hàng, nguồn khách hàng do N cung cấp, anh C là người góp tiền và đây là các mối làm ăn riêng giữa anh C và N, không liên quan đến cửa hàng cầm đồ của anh N2. Từ khoảng cuối năm 2019 đến đầu năm 2021, N và anh C đã góp tiền nhận cầm cố nhiều tài sản là xe máy và ô tô, tại các lần chung vốn cầm cố tài sản này, hai bên đều thanh toán đủ tiền gốc và lãi cho nhau theo đúng thỏa thuận.

Cũng trong khoảng năm 2019, thông qua mối quan hệ xã hội N quen anh Phạm Văn T1 (sinh năm 1973; trú tại số 200 L, xã Đ, huyện H, Hà Nội). N biết anh T1 có cửa hàng kinh doanh mua bán xe máy cũ và anh T1 cũng nhận cầm cố tài sản là xe máy cũ nên N đã giới thiệu một số khách hàng đến cầm cố xe máy để vay tiền của anh T1.

Từ đầu năm 2021, Phạm Văn N và Bùi Đức P do nợ tiền đánh bạc và cần tiền chi tiêu cá nhân. Lợi dụng anh Nguyễn Phạm Hoài N2 tin tưởng, không thường xuyên kiểm tra tiền và số lượng phương tiện cầm cố tại cửa hàng thì từ tháng 5/2021 đến tháng 7/2021 Phạm Văn N và Bùi Đức P đã bàn bạc mang 06 xe máy và 04 ô tô của cửa hàng của anh N2 có tổng trị giá là **3.026.000.000 đồng** cầm cố cho người khác để lấy tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân. Cụ thể:

1. Hành vi lạm dụng tín N chiếm đoạt của anh Nguyễn Phạm Hoài N2 06 xe máy và 04 xe ô tô có tổng trị giá 3.026.000.000 đồng.

Xe thứ nhất: Khoảng năm 2017 Phạm Văn N và anh Nguyễn Văn Thực quen biết nhau. Khoảng tháng 5/2021 anh Thực đến hiệu cầm đồ của anh N2 cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH 150i màu đen, BKS: 29X1-825.52 cùng giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Thực để nhận số tiền 60.000.000 đồng, hai bên không lập hợp đồng cầm cố, sau đó xe máy được bảo quản tại cửa hàng của anh N2. Khoảng tháng 6/2021, N và P đã mang chiếc xe máy trên đến cầm cố cho anh Phạm Văn T1 để lấy số tiền 80.000.000 đồng, giữa hai bên không viết giấy tờ gì. Số tiền cầm cố, N và P chia nhau chi tiêu cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: Anh Phạm Văn T1 giao nộp 01 xe máy nhãn hiệu Honda SH150i màu đen, BKS: 29X1-825.52 cùng giấy đăng ký xe.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu định giá tài sản. Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Nam Từ Liêm kết luận: Xe máy nhãn hiệu Honda SH150i, BKS: 29X1-825.52 trị giá 75.000.000 đồng.

Xe thứ 2: Khoảng năm 2020 anh Nguyễn Thế Định (sinh năm 1994; trú tại thôn Kiêm Sơn, xã Các Sơn, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa) mua chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đen, BKS: 36B7-531.04 nhưng đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Loan (sinh năm 1997) - là em gái anh Định. Hàng ngày anh Định sử dụng chiếc xe trên để làm phương tiện cá nhân. Ngày 09/7/2021 anh Định đến hiệu cầm đồ của anh N2 cầm cố chiếc xe máy trên để nhận số tiền 23.000.000 đồng, hai bên lập hợp đồng cầm cố, thời hạn cầm cố là 20 ngày, sau đó xe máy được bảo quản tại cửa hàng của anh N2. Khoảng 01 tuần sau, N và P cùng bàn bạc lấy chiếc xe máy trên cầm cố cho anh T1 để nhận số tiền 25.000.000 đồng, giữa hai bên không viết giấy tờ gì. Số tiền cầm cố xe cho anh T1 thì N và P chia nhau chi tiêu cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: Anh Phạm Văn T1 giao nộp 01 xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đen, BKS: 36B7-531.04 cùng giấy đăng ký xe.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu định giá tài sản. Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Nam Từ Liêm kết luận: Xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đen, BKS: 36B7-531.04 trị giá 35.000.000 đồng.

Xe thứ 3: Ngày 06/3/2021, anh Nguyễn Mạnh Hùng (sinh năm 1983, trú tại tổ 3, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội) đến hiệu cầm đồ của anh N2 cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH màu đen, BKS: 89E1-038.99 cùng giấy đăng ký xe để nhận số tiền 50.000.000 đồng, hai bên lập hợp đồng cầm cố và chiếc xe này được bảo quản tại cửa hàng cầm đồ của anh N2. Khoảng tháng 6/2021, N và P bàn bạc mang chiếc xe máy trên đến cầm cố cho anh T1 lấy số tiền 60.000.000 đồng, giữa hai bên không viết giấy tờ gì. Số tiền cầm cố xe cho anh T1 thì N và P chia nhau chi tiêu cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: Anh Phạm Văn T1 giao nộp 01 xe máy nhãn hiệu Honda SH màu đen, BKS: 89E1-038.99 cùng giấy đăng ký xe.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu định giá tài sản. Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Nam Từ Liêm kết luận: Xe máy nhãn hiệu Honda SH màu đen, BKS: 89E1-038.99 trị giá 50.000.000 đồng.

Xe thứ 4: Ngày 22/6/2021, anh Lê Quân (sinh năm 1997; trú tại khu 5, thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ) đến hiệu cầm đồ HIỀN NAM 2 gặp N, anh Quân cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH125i màu đen, BKS: 19L1-237.01 cùng giấy đăng ký xe mang tên Lê Quân để nhận số tiền 50.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận khi nào anh Quân có tiền thì sẽ đến nhận lại xe. N nhận xe và lập hợp đồng cầm cố. Sau đó chiếc xe này được bảo quản tại cửa hàng của anh N2. Khoảng 01 tuần sau N và P bàn nhau mang chiếc xe máy trên đến cầm cố cho anh

T1 để lấy số tiền 50.000.000 đồng, giữa hai bên không viết giấy tờ gì. Số tiền cầm cố xe cho anh T1 thì N và P chia nhau chi tiêu cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: Anh Phạm Văn T1 giao nộp 01 xe máy nhãn hiệu Honda SH125i màu đen, BKS: 19L1-237.01 cùng giấy đăng ký xe.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu định giá tài sản. Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Nam Từ Liêm kết luận: Xe máy nhãn hiệu Honda SH125i màu đen, BKS: 19L1-237.01 trị giá 60.000.000 đồng.

Xe thứ 5: Ngày 18/7/2021, anh Mai Văn Thiện (sinh năm 1987, trú tại tổ Tu Hoàng, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội) đến hiệu cầm đồ của anh N2 cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đen vàng đồng, BKS: 18B2-619.86 cùng giấy đăng ký xe mang tên Mai Văn Thiện để nhận số tiền 20.000.000 đồng. Hai bên lập HỢP ĐỒNG CẦM ĐỒ, thời hạn là 20 ngày, chiếc xe này được bảo quản tại cửa hàng của anh N2. Khi đến hạn, anh Thiện điện thoại thông báo xin gia hạn thời hạn cầm đồ thì được anh N2 đồng ý. Khoảng 01 tuần sau, N và P cùng bàn bạc lấy chiếc xe máy trên cầm cố cho anh T1 lấy số tiền 27.000.000 đồng, hai bên không viết giấy tờ gì. Số tiền cầm cố xe cho anh T1 thì N và P chia nhau chi tiêu cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: Anh Phạm Văn T1 giao nộp 01 xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đen vàng đồng, BKS: 18B2-619.86 cùng giấy đăng ký xe.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu định giá tài sản. Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Nam Từ Liêm kết luận: Xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đen vàng đồng, BKS: 18B2-619.86 trị giá 36.000.000 đồng.

Tổng số tiền anh Phạm Văn T1 đã trả cho N để cầm cố 05 xe máy trên là 242.000.000 đồng. Nay anh T1 yêu cầu các bị can phải bồi thường số tiền đã được hưởng lợi theo quy định của pháp luật.

Xe thứ 6: Khoảng tháng 10/2020, chị Nguyễn Thị Kim Loan (sinh năm 1972; trú tại thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, Hà Nội) mua chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH150 màu nâu, BKS 29P1-888.57 của chị Hoàng Thanh Lan (sinh năm 1986; trú tại tập thể Văn Công quân đội, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội). Ngày 01/7/2021, chị Loan đến hiệu cầm đồ HIỀN NAM, cầm cố chiếc xe máy trên cùng giấy đăng ký xe mang tên Hoàng Thanh Lan và nhận số tiền 60.000.000 đồng, hai bên lập hợp đồng cầm cố và thỏa thuận khi nào chị Loan có tiền thì sẽ đến chuộc lại xe. Chiếc xe máy này được bảo quản tại cửa hàng của anh N2. Khoảng 01 tuần sau, N và P cùng bàn bạc mang chiếc xe máy trên cầm cố cho anh C để lấy số tiền 60.000.000 đồng, hai bên không viết giấy tờ gì. Số tiền cầm cố xe cho anh C thì N và P chia nhau chi tiêu cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: Anh Vũ Đức C giao nộp 01 xe máy nhãn hiệu Honda SH150 màu nâu, BKS 29P1-888.57 và giấy đăng ký xe.

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Nam Từ Liêm kết luận: xe máy nhãn hiệu Honda SH150 màu nâu, BKS 29P1-888.57 trị giá 50.000.000 đồng

Xe thứ 7: Ngày 29/3/2021, anh Nguyễn Trung Trinh (sinh năm 1981; trú tại số 18 lô 10 tổ 77, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội) mang chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN màu xanh, BKS: 29H-192.95 đến hiệu cầm đồ của anh N2 cầm cố cho anh N2 để nhận số tiền 150.000.000 đồng, anh N2 lập hợp đồng cầm cố tài sản thể hiện thời hạn cầm cố là 01 tháng và chiếc xe này giao cho N và P đi đến Nhà văn hóa Tu Hoàng, phường Phương Canh bảo quản. Khoảng tháng 6/2021, N và P cùng bàn bạc mang chiếc xe trên cầm cố cho anh Vũ Đức C để lấy số tiền 150.000.000 đồng, giữa hai bên không viết giấy tờ gì. Số tiền cầm cố xe cho anh C thì N và P chia nhau chi tiêu cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: Anh Vũ Đức C giao nộp 01 xe ô tô nhãn hiệu NISSAN màu xanh, BKS: 29H-192.95; anh Nguyễn Phạm Hoài N2 giao nộp 01 hợp đồng cầm cố ghi ngày 29/3/2021 (ký hiệu A4).

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định và định giá tài sản. Tại bản kết luận giám định số 1247/KL-PC09-Đ3 ngày 21/02/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội kết luận:

- Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Phạm Hoài N2 dưới chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A4 với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Phạm Hoài N2 trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) là chữ do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Trung Trinh dưới chữ ký trên mẫu cần giám định (ký hiệu A4) với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Trung Trinh trên các mẫu so sánh (ký hiệu M7, M8) là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Nam Từ Liêm kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu NISSAN màu xanh, BKS: 29H-192.95 trị giá 500.000.000 đồng.

Xe thứ 8: Ngày 06/5/2021, anh Phạm Quốc Việt (sinh năm 1984; trú tại số 29 phố Hàng Khay, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội) mang chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI màu trắng, BKS 30F-269.30 đến hiệu cầm đồ của anh N2, cầm cố cho anh N2 để nhận số tiền 150.000.000 đồng, anh N2 lập hợp đồng cầm cố tài sản thể hiện thời hạn cầm cố là 01 tháng, lãi suất 3,6%/tháng và chiếc xe này giao cho N và P đi đến Nhà văn hóa Tu Hoàng, phường Phương Canh bảo quản. Khoảng tháng 6/2021, N và P cùng bàn bạc mang chiếc xe ô tô trên cầm cố cho Vũ Đức C để lấy số tiền 200.000.000 đồng, giữa hai bên không viết giấy tờ gì. Số tiền cầm cố xe cho anh C thì N và P chia nhau chi tiêu cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: Anh Vũ Đức C giao nộp 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI màu trắng, BKS 30F-269.30; anh Nguyễn Phạm Hoài N2 giao nộp 01 hợp đồng cầm cố ghi ngày 06/5/2021 (ký hiệu A5).

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định và định giá tài sản. Tại bản kết luận giám định số 1247/KL-PC09-Đ3 ngày 21/02/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội kết luận:

- Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Phạm Hoài N2 dưới chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A5 với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Phạm Hoài N2 trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) là chữ do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Phạm Quốc Việt dưới chữ ký trên mẫu cần giám định (ký hiệu A5) với chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Quốc Việt trên các mẫu so sánh (ký hiệu M9, M10) là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Nam Từ Liêm kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI màu trắng, BKS 30F-269.30 trị giá 490.000.000 đồng.

Xe thứ 9: Ngày 31/5/2021, anh Vũ Thanh Tùng (sinh năm 1986; trú tại cụm 3, xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, Hà Nội) đến hiệu cầm đồ của anh N2, cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu VINFAST màu nâu, BKS 30G-833.29 để nhận số tiền 130.000.000 đồng, anh N2 lập hợp đồng cầm cố tài sản thể hiện thời hạn cầm cố là 01 tháng, lãi suất 3,6%/tháng và chiếc xe này giao cho N và P đi đến Nhà văn hóa Tu Hoàng, phường Phương Canh bảo quản. Khoảng đầu tháng 7/2021, N và P cùng bàn bạc mang xe ô tô trên cầm cố cho anh C để lấy số tiền 390.000.000 đồng, giữa hai bên không viết giấy tờ gì. Số tiền cầm cố xe cho anh C thì N và P chia nhau chi tiêu cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: Anh Vũ Đức C giao nộp 01 xe ô tô nhãn hiệu VINFAST màu nâu, BKS 30G-833.29; anh Nguyễn Phạm Hoài N2 giao nộp 01 hợp đồng cầm cố ghi ngày 31/5/2021 (ký hiệu A1).

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định và định giá tài sản. Tại bản kết luận giám định số 1247/KL-PC09-Đ3 ngày 21/02/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội kết luận:

- Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Phạm Hoài N2 dưới chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Phạm Hoài N2 trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) là chữ do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Vũ Thanh Tùng dưới chữ ký trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) với chữ ký, chữ viết đứng tên Vũ Thanh Tùng trên các mẫu so sánh (ký hiệu M3, M4) là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Nam Từ Liêm kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu VINFAST màu nâu, BKS 30G-833.29 trị giá 1.020.000.000 đồng.

Xe thứ 10: Ngày 01/7/2021, ông Đào Hữu Nội (sinh năm 1969; trú tại thôn 8, xã Tam Hiệp, huyện Phúc Thọ, Hà Nội) đến hiệu cầm đồ của anh N2, cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA màu đen, BKS 30E-539.61 cùng bản sao giấy đăng ký xe mang tên Đào Hữu Nội và bản sao Hợp đồng thế chấp ngân hàng để nhận của anh N2 số tiền 100.000.000 đồng, anh N2 lập hợp đồng cầm cố tài sản thể hiện thời hạn cầm cố là 01 tháng, lãi suất 1,5%, anh N2 giao chiếc xe ô tô trên cho N và P đi đến Nhà văn hóa Tu Hoàng, phường Phương Canh bảo quản. Khoảng tháng 8/2021, N và P cùng bản bạc mang chiếc xe ô tô trên cầm cố cho anh Vũ Đức C để lấy số tiền 260.000.000 đồng, hai bên không viết giấy tờ gì. Số tiền cầm cố xe cho anh C thì N và P chia nhau chi tiêu cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: Anh Vũ Đức C giao nộp 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA màu đen, BKS 30E-539.61; anh Nguyễn Phạm Hoài N2 giao nộp 01 hợp đồng cầm cố ghi ngày 01/7/2021 (ký hiệu A3).

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định và định giá tài sản. Tại bản kết luận giám định số 1247/KL-PC09-Đ3 ngày 21/02/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội kết luận:

- Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Phạm Hoài N2 dưới chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Phạm Hoài N2 trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) là chữ do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Đào Hữu Nội dưới chữ ký trên mẫu cần giám định (ký hiệu A3) với chữ ký, chữ viết đứng tên Đào Hữu Nội trên các mẫu so sánh (ký hiệu M5, M6) là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Nam Từ Liêm kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA màu đen, BKS 30E-539.61 trị giá 710.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Vũ Đức C khai: Anh C và N hợp tác góp vốn nhận cầm cố xe ô tô và xe máy từ khoảng năm 2019 đến ngày 25/7/2021, anh C đã giao cho N số tiền 5.662.000.000 đồng. Sau khi đối trừ số tiền đã trả, hiện N còn nợ anh C số tiền 4.257.000.000 đồng. Nay anh C yêu cầu N phải bồi thường số tiền trên. Tuy nhiên, kết quả điều tra cho thấy, số tiền anh C đưa cho N và P để cầm số 04 xe ô tô và 01 xe máy với tổng số tiền là 1.060.000.000 đồng. Do đó xác định số tiền N, P phải bồi thường cho anh C là 1.060.000.000 đồng. Số tiền còn lại N nợ anh C là quan hệ dân sự, không đề cập giải quyết trong vụ án này.

2.Hành vi lạm dụng tín N chiếm đoạt của anh Nguyễn Phạm Hoài N2 số tiền 175.000.000 đồng.

Cũng trong khoảng thời gian từ tháng 11/2020 đến tháng 8/2021, có 05 khách hàng đến cửa hàng cầm đồ HIỀN NAM cầm cố 05 chiếc xe máy. Đến hạn, các khách hàng đến thanh lý hợp đồng, trả tiền cho N và P. Sau khi nhận của 05 khách hàng đã thanh toán tổng số tiền **175.000.000 đồng**, N và P không thông báo cho anh N2 biết, không nhập sổ sách, không trả anh N2 mà chỉ tiêu cá nhân. Sau khi đổi chiếu sổ sách, anh N2 phát hiện nên trình báo cơ quan điều tra, quá trình điều tra đã xác định cụ thể như sau:

Xe thứ nhất: Khoảng cuối tháng 5/2021, anh Nguyễn Huy Quang (sinh năm 1976; trú tại xã Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc) đến cửa hàng cầm đồ HIỀN NAM cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu Airblade, BKS 88G-236.19 cùng giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Quang Huy. Bùi Đức P là người làm thủ tục nhận cầm cố, giao số tiền 15.000.000 đồng cho anh Quang. Khoảng 20 giờ cùng ngày, anh Quang đến gặp P thanh lý hợp đồng cầm cố, anh Quang nhận lại xe máy và trả cho P số tiền 15.000.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền của anh Quang thì N không báo cáo với anh N2 mà N và P cùng chia nhau chi tiêu cá nhân hết.

Xe thứ 2: Khoảng tháng 11/2020, anh Nguyễn Quý Phi (sinh năm 1993; trú tại khu 1, thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ) đến cửa hàng cầm đồ HIỀN NAM cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu AIRBLADE, BKS 19L1 - 273.88 cùng giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Quý Phi để nhận số tiền 30.000.000 đồng, hàng tháng anh Phi trả lãi cho cửa hàng cầm đồ HIỀN NAM theo thỏa thuận. Khoảng tháng 3/2021, anh Phi đến gặp N thanh lý hợp đồng, anh Phi trả cho N tổng số tiền 30.000.000 đồng (bao gồm 30.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi của tháng cuối cùng) và nhận lại xe máy. Sau khi nhận được số tiền của anh Phi, N và P không báo cáo với anh N2 mà cùng chia nhau chi tiêu cá nhân hết.

Xe thứ 3: Khoảng tháng 5/2021, anh Phạm Đức Toàn (sinh năm 1989; trú tại phòng 1417B chung cư Hateco, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội) đến cửa hàng cầm đồ HIỀN NAM cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu SH125I, BKS 29H1-839. 37 cùng giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Chi Mai để nhận được số tiền 30.000.000 đồng, anh Toàn trả lãi cho cửa hàng cầm đồ HIỀN NAM theo thỏa thuận. Khoảng tháng 6/2021, anh Toàn đến thanh lý hợp đồng và trả cho N số tiền 30.000.000 đồng, anh Toàn nhận lại xe và giấy đăng ký xe. Sau khi nhận được số tiền của anh Toàn, N và P không báo cáo với anh N2 mà cùng chia nhau chi tiêu cá nhân hết.

Xe thứ 4: Khoảng tháng 6/2021, anh Cao Văn P (sinh năm 1994; trú tại số 63, phố Lưu Xá, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội) đến cửa hàng cầm đồ HIỀN NAM cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu SH, BKS 29H1-763.86 cùng giấy đăng ký xe mang tên Vũ Lưu Hiếu để nhận được số tiền 50.000.000 đồng, anh P trả lãi cho cửa hàng cầm đồ HIỀN NAM theo thỏa thuận. Khoảng 10 ngày sau, anh P đến thanh lý hợp đồng, trả cho N số tiền 50.000.000 đồng và anh nhận lại xe cùng

giấy đăng ký xe. Sau khi nhận được số tiền của anh Cao Văn P, N và Bùi Đức P không báo cáo với anh N2 mà cùng chia nhau chi tiêu cá nhân hết.

Xe thứ 5: Khoảng tháng 6/2021, anh Đinh Văn Tiến (sinh năm 1990; trú tại cụm 8, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội) đến cửa hàng cầm đồ HIỀN NAM cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu SH125I, BKS 21B1-736.86 cùng giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Hương (vợ anh Tiến) để nhận được số tiền 40.000.000 đồng, anh Tiến trả lãi cho cửa hàng cầm đồ HIỀN NAM theo thỏa thuận. Khoảng 10 ngày sau, vợ chồng anh Tiến, chị Hương đến thanh lý hợp đồng, chị Hương trả cho N số tiền 40.000.000 đồng và nhận lại xe cùng giấy đăng ký xe. Sau khi nhận được số tiền của chị Hương, N và P không báo cáo với anh N2 mà cùng chia nhau chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra đã xác định: Phạm Văn N và Bùi Đức P được hưởng lợi từ tiền cầm cố 06 xe máy và 04 xe ô tô cho anh Vũ Đức C và Phạm Văn T1 và 05 khách hàng đã trả lại tiền cho cửa hàng cầm đồ của anh N2, sau đó N, P chiếm đoạt tổng số tiền là **1.477.000.000 đồng (242.000.000 đồng + 1.060.000.000 đồng + 175.000.000 đồng)**, trong đó: N hưởng lợi là 961.000.000 đồng, P hưởng lợi là 516.000.000 đồng.

Ngoài ra, anh Nguyễn Phạm Hoài N2 khai trong khoảng thời gian từ tháng 11/2020 đến tháng 8/2021, có 08 khách hàng đến cửa hàng cầm đồ HIỀN NAM 2 cầm cố 08 chiếc xe máy. Hết hạn cầm cố, các khách hàng đến thanh lý hợp đồng, trả tiền cho N và P. Sau khi nhận của 08 khách hàng đã thanh toán tổng số tiền 305.000.000 đồng, N và P không thông báo cho anh N2 biết, không nhập sổ sách, không trả anh N2 mà chi tiêu cá nhân. Tuy nhiên quá trình điều tra chưa xác định được cụ thể 08 khách hàng đã cầm cố tài sản. Cơ quan điều tra tách phần tài liệu liên quan đến 08 chiếc xe trên để điều tra làm rõ, nếu đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Sau khi thu giữ 06 chiếc xe máy và 04 chiếc xe ô tô trên, xác định đây là tài sản hợp pháp của chủ sở hữu. Ngày 29/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Nam Từ Liêm xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho anh Nguyễn Văn Thực chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH 150i màu đen, BKS: 29X1-825.52 cùng giấy đăng ký xe; anh Lê Quân chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH125i màu đen, BKS: 19L1-237.01 cùng giấy đăng ký xe; anh Nguyễn Mạnh Hùng chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH màu đen, BKS: 89E1-038.99 cùng giấy đăng ký xe; anh Mai Văn Thiện chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đen vàng đồng, BKS: 18B2-619.86 cùng giấy đăng ký xe; anh Nguyễn Thế Định chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đen, BKS: 36B7-531.04 cùng giấy đăng ký xe; anh Nguyễn Trung Trình chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN màu xanh, BKS: 29H-192.95; anh Phạm Quốc Việt chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI màu trắng, BKS 30F-269.30; anh Vũ Thanh Tùng xe ô tô nhãn hiệu VINFAST, BKS 30G-833.29; chị Nguyễn Thị Kim Loan xe máy nhãn hiệu Honda SH150, BKS 29P1-888.57; ông Đào Hữu Nội xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, BKS 30E-539.61. Anh Thực, anh Quân, anh Hùng,

anh Thiện, anh Định, anh Trinh, anh Việt, anh Tùng, chị Loan và ông Nội đã nhận lại tài sản và không yêu cầu, đề nghị bồi thường gì.

Sau khi phát hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, anh Nguyễn Phạm Hoài N2 trình báo Cơ quan điều tra thì ngày 22/11/2021 bà Trần Thị P1 (sinh năm 1975) là mẹ bị can Bùi Đức P đã trả tự nguyện bồi thường cho anh N2 số tiền 300.000.000 đồng. Anh N2 đã nhận tiền, nay không yêu cầu N và P bồi thường gì thêm.

Đối với anh Vũ Đức C, do quen biết Phạm Văn N từ khoảng năm 2019, bản thân N, Chung cũng thường xuyên góp tiền nhận cầm cố xe của các khách hàng, nên khi N mang 04 xe ô tô và 01 xe máy của cửa hàng anh N2 đến cầm cố, anh C không hỏi về nguồn gốc các xe mà tin tưởng đây là các xe mới làm ăn riêng của N, nhận cầm cố các xe trên. Căn cứ tài liệu điều tra xác định anh C không biết, không bàn bạc thỏa thuận với N về việc mang tài sản đang cầm cố tại cửa hàng của anh N2 đưa cho Chung, do vậy hành vi của Chung không cấu thành tội phạm. Do Vũ Đức C có hành vi cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy uỷ quyền hợp lệ của người đó là vi phạm quy định trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội. **Cơ quan điều tra đã có công văn đề nghị Công an quận Nam Từ Liêm xử phạt hành chính đối với Vũ Đức C.**

Đối với anh Phạm Văn T1 quen biết Phạm Văn N từ trước, bản thân N cũng đã giới thiệu bạn đến cầm cố xe máy cũ với anh T1, nên khi N và P mang 05 xe máy trên đến gặp Thọ để cầm cố vay tiền thì anh T1 tin tưởng cầm cố các xe trên. Căn cứ tài liệu điều tra xác định anh T1 không biết, không bàn bạc thỏa thuận với N và P về việc mang tài sản đang cầm cố tại cửa hàng của anh N2 đưa anh T1, do vậy hành vi của anh T1 không cấu thành tội phạm. Do Phạm Văn T1 có hành vi cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy uỷ quyền hợp lệ của người đó là vi phạm quy định trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội. **Cơ quan điều tra đã có công văn đề nghị Công an huyện Hoài Đức xử phạt hành chính đối với Phạm Văn T1.**

Tại bản Cáo trạng số 205/CT-VKS-P3 ngày 09/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố Phạm Văn N và Bùi Đức P về tội “*Lạm dụng tín N chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố, thừa nhận Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội “*Lạm dụng tín N chiếm đoạt tài sản*” là đúng người, đúng tội, không kêu oan, các bị cáo đều ăn năn về hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa: Sau khi phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình

tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 4 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Phạm Văn N từ 13 năm đến 14 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam;

- Áp dụng: Khoản 4 Điều 175, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bùi Đức P từ 12 năm đến 13 năm tù;

Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất phạm tội và hoàn cảnh gia đình của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo Phạm Văn N và Bùi Đức P phải liên đới bồi thường số tiền tương ứng với số tiền các bị cáo đã được hưởng lợi theo quy định của pháp luật. Anh N2 đã nhận bồi thường 300.000.000 đồng và không đề nghị các bị cáo bồi thường nữa nên không xem xét.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn N là luật sư Nguyễn Quang Tiến có quan điểm:* Nhất trí với truy tố của đại diện Viện kiểm sát về tội danh của bị cáo Phạm Văn N. Về mức hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách N hình sự cho bị cáo N theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị để cho bị cáo có cơ hội cải tạo, sớm về với gia đình.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Đức P là luật sư Nguyễn Văn Toán có quan điểm:* Nhất trí với truy tố của đại diện Viện kiểm sát về tội danh của bị cáo Bùi Đức P. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa xét xử, bị cáo Bùi Đức P đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bản thân bị cáo không có tiền án, tiền sự, do lập trường tư tưởng không vững vàng, nhận thức pháp luật hạn chế nên dẫn đến phạm tội. Bị cáo đã tác động gia đình và bà Trần Thị P1, là mẹ bị cáo đã cùng gia đình tự nguyện bồi thường cho anh N2 số tiền 300.000.000 đồng. Anh N2 đã nhận tiền, nay không yêu cầu P bồi thường gì thêm, bị cáo tự giác đầu thú và tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại **điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54** Bộ luật hình sự đối với bị cáo và xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và xem xét, quyết định hình phạt thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để cho bị cáo có cơ hội cải tạo, sớm về với gia đình.

- **Anh Nguyễn Phạm Hoài N2, bị hại trình bày:** Quá trình điều tra anh đã

nhận bồi thường 300.000.000 đồng từ gia đình của P và không đề nghị các bị cáo bồi thường nữa. Anh mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt để cho các bị cáo có cơ hội cải tạo và trở về làm người lương thiện.

- Anh Vũ Đức C, nguyên đơn dân sự trình bày: Anh C và N hợp tác góp vốn nhận cầm cố xe ô tô và xe máy từ khoảng năm 2019 đến ngày 25/7/2021, anh C đã giao cho N số tiền 5.662.000.000 đồng. Sau khi đối trừ số tiền đã trả, hiện N còn nợ anh C số tiền 4.257.000.000 đồng. Nay anh C yêu cầu N phải bồi thường số tiền trên.

- Bà Trần Thị P1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Số tiền bà trả anh N2 thay con trai bà là bà và gia đình tự nguyện cho con trai bà, sau này không có yêu cầu P hoàn trả số tiền này.

- Các bị cáo nhất trí với ý kiến của người bào chữa và không có bổ sung, tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của các nguyên đơn dân sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng cuối năm 2020 và năm 2021, Phạm Văn N và Bùi Đức P được anh Nguyễn Phạm Hoài N2 giao quản lý ô tô, xe máy khách hàng cầm cố để tại cửa hàng của anh N2 và quản lý tiền khách hàng đã thanh lý hợp đồng cầm cố trả cho anh N2. Từ tháng 5/2021 đến tháng 7/2021, do nợ tiền đánh bạc và cần tiền chi tiêu cá nhân, lợi dụng anh N2 không thường xuyên kiểm tra tiền và số lượng phương

tiện cầm cố để tại cửa hàng, Phạm Văn N và Bùi Đức P đã bàn bạc mang 06 xe máy và 04 ô tô trị giá 3.026.000.000 đồng cầm cố cho anh Phạm Văn T1 và anh Vũ Đức C được số tiền 1.302.000.000 đồng. Cụ thể: **cầm cố cho anh Vũ Đức C 05 xe máy để lấy số tiền 242.000.000 đồng; cầm cố cho anh Phạm Văn T1 04 ô tô và 01 xe máy được số tiền 1.060.000.000 đồng. Đồng thời, có 05 khách hàng cầm cố 05 xe máy đã đến lấy lại 05 xe máy cầm cố tại cửa hàng của anh N2 và trả số tiền 175.000.000 đồng nhưng P và N không báo cho anh N2 biết là khách đã trả lại tiền, mà chiếm đoạt số tiền 175.000.000 đồng trên để chi tiêu cá nhân hết. Tổng số tiền Phạm Văn N và Bùi Đức P chiếm đoạt của anh Nguyễn Phạm Hoài N2 là **3.201.000.000 đồng** (3.026.000.000 đồng + 175.000.000 đồng).**

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Phạm Văn N và Bùi Đức P đã phạm tội “*Lạm dụng tín N chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Phạm Văn N và Bùi Đức P theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội:

Từ tháng 5/2021 đến tháng 7/2021, Phạm Văn N và Bùi Đức P đã bàn bạc mang 06 xe máy, 04 ô tô của cửa hàng của anh Nguyễn Phạm Hoài N2 cầm cố cho người khác để lấy tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân, cũng như không thông báo, vào sổ số tiền của 05 khách hàng đã trả lại tiền cho cửa hàng mà chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân hết. Các bị cáo Phạm Văn N và Bùi Đức P được hưởng lợi từ tiền cầm cố 06 xe máy, 04 xe ô tô và số tiền 05 khách hàng đã trả lại tiền cho cửa hàng cầm đồ của anh N2 là **1.477.000.000 đồng (242.000.000 đồng + 1.060.000.000 đồng + 175.000.000 đồng)**, trong đó N hưởng lợi là 961.000.000 đồng, P hưởng lợi là 516.000.000 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, tổ chức được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến uy tín của Cửa hàng cầm đồ NAM HIỀN 2 của anh Nguyễn Phạm Hoài N2, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách N hình sự và đủ tuổi chịu trách N hình sự, nhận thức rõ các ô tô, xe máy của Cửa hàng cầm đồ NAM HIỀN 2 không phải thuộc sở hữu của các bị cáo nhưng vẫn dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản bằng cách cầm cố, vay nợ lấy tiền sử dụng cá nhân. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy rằng cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để trừng trị, cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và góp phần đấu tranh, phòng chống tội phạm trong đời sống xã hội.

Xét về tính chất và mức độ hành vi phạm tội, bị cáo Phạm Văn N có vai trò chính, trực tiếp giao dịch cầm cố với anh C và anh T1; được hưởng lợi phần lớn từ

số tiền chiếm đoạt. Do đó, bị cáo Phạm Văn N phải chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo Bùi Đức P.

[4]. Về thân nhân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; **phạm tội lần đầu.**

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội và mỗi lần thực hiện hành vi đều đủ cấu thành tội phạm độc lập nên các bị cáo bị áp dụng tình tiết “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải do hành vi phạm tội của mình gây ra. Các tài sản ô tô, xe máy mà các bị cáo cầm cố cho người khác đã được trao trả lại cho các chủ sở hữu và không ai có yêu cầu, đề nghị bồi thường gì. **Quá trình giải quyết vụ án, gia đình bị cáo Bùi Đức P đã bồi thường cho anh N2 số tiền 300.000.000 đồng, anh N2 không yêu cầu bị cáo N và P bồi thường gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N và điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo P và xét xử P dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ răn đe, giáo dục và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.**

[5]. Các vấn đề khác của vụ án:

Đối với anh Vũ Đức C và anh Phạm Văn T1: Do quen biết Phạm Văn N từ khoảng năm 2019, anh C thường xuyên góp tiền nhận cầm cố xe của các khách hàng với N; và bản thân N cũng đã giới thiệu bạn đến cầm cố xe máy cũ với anh T1 nên khi N, P mang 04 xe ô tô và 01 xe máy của cửa hàng anh N2 đến cầm cố cho anh C và mang 05 xe máy đến gặp Thọ để cầm cố vay tiền thì anh C và anh T1 đều không hỏi về nguồn gốc các xe mà tin tưởng đây là các xe mỗi làm ăn riêng của N và P, nhận cầm cố các xe trên. Căn cứ tài liệu điều tra xác định anh C, anh T1 không biết, không bàn bạc thỏa thuận với N, P về việc mang tài sản đang cầm cố tại cửa hàng của anh N2 đưa cho Chung, Thọ, do vậy hành vi của anh C và anh T1 không cấu thành tội phạm. Do anh Vũ Đức C và anh Phạm Văn T1 có hành vi cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác mà không có giấy uỷ quyền hợp lệ của người đó là vi phạm quy định trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Cơ quan điều tra đã có công văn đề nghị Công an quận Nam Từ Liêm và Công an huyện Hoài Đức xử phạt hành chính đối với anh C và anh T1 là thỏa đáng và phù hợp với qui định của pháp luật.

Ngoài ra, anh Nguyễn Phạm Hoài N2 khai trong khoảng thời gian từ tháng 11/2020 đến tháng 8/2021, có 08 khách hàng đến cửa hàng cầm đồ HIỀN NAM 2 cầm cố 08 chiếc xe máy. Hết hạn cầm cố, các khách hàng đến thanh lý hợp đồng, trả tiền cho N và P. Sau khi nhận của 08 khách hàng đã thanh toán tổng số tiền 305.000.000 đồng, N và P không thông báo cho anh N2 biết, không nhập sổ sách, không trả anh N2 mà chỉ tiêu cá nhân. Tuy nhiên, quá trình điều tra chưa xác định được cụ thể 08 khách hàng đã cầm cố tài sản. Cơ quan điều tra tách phần tài liệu liên quan đến 08 chiếc xe trên để điều tra làm rõ, nếu đủ căn cứ sẽ xử lý sau là có đúng qui định của pháp luật.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

- *Đối với 06 xe máy và 04 xe ô tô có tổng trị giá 3.026.000.000 đồng và số tiền 175.000.000 đồng:* Quá trình giải quyết vụ án, anh Vũ Đức C và anh Phạm Văn T1 đã giao nộp lại cho Cơ quan Công an 06 xe máy và 04 xe ô tô nêu trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Nam Từ Liêm đã xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho các chủ sở hữu. Các chủ sở hữu đã nhận lại tài sản và không yêu cầu, đề nghị bồi thường gì. Đồng thời, gia đình bị cáo Bùi Đức P đã trả bồi thường cho anh N2 số tiền 300.000.000 đồng. Do đó, về trách N dân sự của bị cáo Phạm Văn N và Bùi Đức P đối với anh Nguyễn Phạm Hoài N2 đã được bồi thường xong. Anh N2 đã nhận tiền, nay không yêu cầu bị cáo N và P bồi thường gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về số tiền anh Phạm Văn T1 đã trả cho N để cầm cố 05 xe máy là 242.000.000 đồng:* Buộc bị cáo Phạm Văn N và Bùi Đức P phải liên đới bồi thường cho anh Phạm Văn T1 242.000.000 đồng. Tại phiên tòa, N và P đều xác nhận N hưởng lợi 231.000.000 đồng; P hưởng lợi 11.000.000 đồng nên buộc N bồi thường cho anh T1 231.000.000 đồng; P bồi thường cho anh T1 11.000.000 đồng.

- *Về số tiền anh Vũ Đức C trả cho N và P để cầm số 04 xe ô tô và 01 xe máy là 1.060.000.000 đồng:* Anh C và N hợp tác góp vốn nhận cầm cố xe ô tô và xe máy từ khoảng năm 2019 đến ngày 25/7/2021. Anh C trình bày là đã giao cho N số tiền 5.662.000.000 đồng. Sau khi đối trừ số tiền đã trả, hiện N còn nợ anh C số tiền 4.257.000.000 đồng. Nay anh C yêu cầu N phải bồi thường số tiền trên. Tuy nhiên, kết quả điều tra cho thấy, số tiền anh C đưa cho N và P để cầm số 04 xe ô tô và 01 xe máy với tổng số tiền là 1.060.000.000 đồng. Do đó xác định số tiền các bị can N, P phải bồi thường cho anh C là 1.060.000.000 đồng. Trong đó N phải bồi thường cho anh C số tiền 630.000.000 đồng hưởng lợi; P phải bồi thường cho anh C số tiền 430.000.000 đồng hưởng lợi. Số tiền còn lại N nợ anh C là quan hệ dân sự, không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[7]. Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự thì các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét tính chất vụ án và hoàn cảnh gia đình của các bị cáo, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn N và Bùi Đức P phạm tội “Lạm dụng tín N chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 4 Điều 175; **điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51**; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N **12 năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 27/8/2021.

-Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Đức P **10 năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 27/8/2021.

2. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc bị cáo Phạm Văn N và Bùi Đức P phải liên đới bồi thường cho anh Phạm Văn T1 số tiền **242.000.000 đồng**. Trong đó: Phạm Văn N phải bồi thường cho anh T1 **231.000.000 đồng**; Bùi Đức P phải bồi thường cho anh T1 **11.000.000 đồng**.

+ Buộc bị cáo Phạm Văn N và Bùi Đức P phải liên đới bồi thường cho anh Vũ Đức C số tiền **1.060.000.000 đồng**; trong đó, Phạm Văn N phải bồi thường cho anh C **630.000.000 đồng**; Bùi Đức P phải bồi thường cho anh C **430.000.000 đồng**.

Tổng số: N phải bồi thường: **861.000.000 đồng**; P phải bồi thường: **441.000.000 đồng**.

+ Về xử lý vật chứng: Không.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải nộp **200.000 đồng** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; Phạm Văn N phải nộp **37.830.000 đồng** (Ba mươi bảy triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng) án phí dân sự; Bùi Đức P phải nộp **21.640.000 đồng** (Hai mươi một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 61; 62; 63; 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại HN;
- VKSND cấp cao tại HN;
- Viện kiểm sát ND TP Hà Nội;
- Công an TP Hà Nội;
- Cục Thi hành án DS TP Hà Nội;
- Trại tạm giam số 1, Công an TP Hà

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nội;

- Các bị cáo;

- Người tham gia tố tụng khác;

- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Thanh Thủy